

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 194/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T3, huyện N, tỉnh Bắc Giang

- **Bị đơn:** Anh Hà Văn T2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang chi nhánh huyện N do ông Nguyễn Phương B- Phó giám đốc đại diện.

Địa chỉ: Thị trấn Đ1, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Dương Thị T3 (tức Dương Thị L1), sinh năm 1948

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 147 và Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2017 là hoàn T2 tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Chị Vũ Thị T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T3, huyện N, tỉnh Bắc Giang

- Anh Hà Văn T2, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn M, xã L, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ nuôi con chung: Sau khi li hôn anh Hà Văn T2 tiếp nuôi con chung Hà Tấn T4, sinh ngày 04/9/2007. Sau khi ly hôn chị T1 không trực tiếp nuôi con có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con cho anh T2 mỗi tháng 1.000.000đ/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn chị T1 được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T1 thực hiện quyền này.

- Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản thỏa thuận ngày 22/8/2017 (trước khi Tòa án tiến hành hòa giải). Cụ thể, chị T1, anh T2 có trách nhiệm T1 toán trả cho Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Bắc Giang chi nhánh huyện N mỗi người 15.000.000đ tiền gốc cùng lãi suất phát sinh khi đến thời hạn T1 toán.

- Về án phí: Chị Vũ Thị T1 xin chịu cả 150.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/001086 ngày 12/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Chị Vũ Thị T1 đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS huyện N;
- Các đương sự;
- THADS huyện LN;
- UBND xã L;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hường